TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2026/QĐST-DS
Ngày 26-3-2026
V/v yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu tuyên bố một người có khó khăntrong nhận thức, làm chủ hành vi
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền - Thẩm phán.

- ***Thư ký phiên họp:*** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên họp: Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc: *"Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1963; địa chỉ thường trú: 242/78, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (bà Nguyễn Thị Đ): Bà Nguyễn Thụy Hồng T, sinh năm: 1991; địa chỉ: G, ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2025); có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1953; địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1950; địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp L, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1958; địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1967; địa chỉ: B, khóm E, phường N, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 31/12/2025, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Từ khi còn nhỏ, bà A đã phát bệnh tâm thần, tinh thần bà A không minh mẩn, không biết tự chăm sóc bản thân, không làm chủ được hành vi. Gia đình có đưa đi khám bệnh tại Bệnh viện T1 và được cấp thuốc uống liên tục cho đến nay. Hiện nay, bệnh tâm thần của bà A càng lúc càng nặng thêm, nhiều lúc đi rong không biết đường về nhà. Ngày 01/11/2025, bà A được Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy xác nhận khuyết tật (Khuyết tật tâm thần, thần kinh; mức độ khuyết tật: Nặng) số: 28879.000073. Bà A được hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định về việc trợ cấp xã hội hàng tháng số: 2056/QĐ-UBND ngày 28/10/2025.

Cha của bà tên là Nguyễn Văn C2, sinh năm: 1932, chết năm: 2001. Mẹ của bà tên Trần Thị L1, sinh năm: 1934, chết năm: 1998. Cha mẹ ông bà có 08 người con, bao gồm: bà - Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị M. Sau khi chết cha mẹ của bà có để lại di sản là thửa đất số 267 và 275, cùng tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc tại xã P, tỉnh Vĩnh Long. Nay anh em của bà có nhu cầu phân chia di sản thừa kế này, tuy nhiên do bà Nguyễn Thị A (cũng là người thừa kế theo pháp luật của cha mẹ bà) đã không còn minh mẫn nên việc phân chia di sản thừa kế không thể thực hiện được.

Do vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tuyên bố bà Nguyễn Thị A mất năng lực hành vi dân sự.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2026, ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Từ nhỏ đến lớn thì bà A sống chung với ông, cách nay khoảng một năm thì bà A mới đến sống chung với bà Đ. Ông Đ1 thống nhất với yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu tuyên bố bà A là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, tuy nhiên ông Đ1 không đồng ý để cho bà Đ hoặc các anh chị em khác làm người giám hộ cho bà A mà ông yêu cầu được làm người giám hộ cho bà A.

Tại phiên họp,

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (bà Nguyễn Thị Đ) là bà Nguyễn Thụy Hồng T trình bày: Căn cứ vào Kết luận giám định pháp y tâm thần theo yêu cầu số: 119/2026/KLGĐ ngày 09/3/2026 của Trung tâm P1 đã kết luận bà A hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi (có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi) nên bà Đ thay đổi nội dung yêu cầu. Cụ thể là bà Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố bà A có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; yêu cầu Tòa án chỉ định bà Đ là người giám hộ bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị M bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, đề nghị Tòa án tuyên bố bà A là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, đồng thời đề nghị Tòa án chỉ định bà Đ làm người giám hộ cho bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ1 vắng mặt tại phiên họp nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố bà Nguyễn Thị A có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và bà A cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 27; khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc dân sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị A có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi:

Căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần tại Văn bản ghi nhận quá trình giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 119/2026/KLGĐ ngày 09/3/2026 của Trung tâm P1 có nội dung:

"a) Kết luận theo tiêu chuẩn y học:

Căn cứ tiêu chuẩn chẩn đoán của Tổ chức y tế thế giới về các rối loạn tâm thần và hành vi hiện hành (ICD-10); Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y ban hành quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần, các Giám định viên tham gia giám định xác định đối tượng giám định:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ A

- Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần vừa (F71-ICD10).

b) Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Căn cứ Bộ luật dân sự 2015; căn cứ vào khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của đối tượng giám định tại thời điểm giám định, các Giám định viên tham gia giám định thảo luận và xác định đối tượng giám định có tình trạng nhận thức và điều khiển hành vi sau đây:

Hiện tại, đương sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi (có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi ở các vụ việc dân sự)".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Bộ luật dân sự năm 2015, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị A có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2.2. Đối với việc chỉ định người giám hộ cho bà Nguyễn Thị A:

Bà A chưa có chồng, cha mẹ của bà A là ông Nguyễn Văn C2 và bà Trần Thị L1 đều đã chết; anh chị em ruột của bà A gồm: ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị M.

Các anh chị em của bà A gồm: ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị M thống nhất đề nghị chỉ định bà Nguyễn Thị Đ làm người giám hộ cho bà A. Riêng ông Nguyễn Văn Đ1 có yêu cầu được làm người giám hộ cho bà A, tuy nhiên hiện tại bản thân ông Đ1 là người đang mắc bệnh, phải hóa trị theo định kỳ, không đủ điều kiện để chăm sóc và làm người giám hộ cho bà A.

Đối với bà Đ là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà A, có đủ điều kiện để làm người giám hộ. Tại phiên họp, bà A có thể hiện ý chí của bản thân là muốn được sống chung với bà Đ.

Do vậy, căn cứ Điều 46, khoản 4 Điều 54 Bộ luật dân sự, Tòa án chỉ định bà Nguyễn Thị Đ là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị A và xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 Bộ luật dân sự.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, tuyên bố bà Nguyễn Thị A có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, đề nghị chỉ định bà Nguyễn Thị Đ làm người giám hộ cho bà Nguyễn Thị A đồng thời xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

[4] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin được miễn nộp lệ phí dân sự sơ thẩm nên thuộc trường hợp được miễn nộp lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 372, Điều 376, Điều 377 và Điều 378 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 46, Điều 53, khoản 4 Điều 54, Điều 57, 58, 59, 60, 62, 63 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên bố:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ.

Tuyên bố bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Chỉ định bà Nguyễn Thị Đ làm người giám hộ cho bà Nguyễn Thị A và có các quyền, nghĩa vụ của người giám hộ như sau:

+ Chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cho người được giám hộ;

+ Đại diện cho người được giám hộ trong các giao dịch dân sự;

+ Quản lý tài sản của người được giám hộ;

+ Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ;

+ Sử dụng tài sản của người được giám hộ để chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của người được giám hộ;

+ Được thanh toán các chi phí hợp lý cho việc quản lý tài sản của người được giám hộ;

+ Đại diện cho người được giám hộ trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KTr,TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……./QĐST-……[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v[3]……..
TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông
(Bà) .....

Các Thẩm phán: [4] Ông
(Bà) .....

Ông
(Bà) .....

Thư ký phiên họp: Ông
(Bà)[5] .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp:Ông (Bà)…….. - Kiểm sát viên.

Ngày…….. tháng…… năm…… , tại[6] .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số …./…./TLST-.... ngày…. tháng …. năm….. về việc[7] …….theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ……/ …../QĐST-…… ngày…. tháng…. năm…… , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8] .....

.....
.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[9].....

.....
.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: [10].....

.....
.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11].....

.....
.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12].....

.....
.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[13] .....

.....
.....

- Người làm chứng (nếu có):[14].....

.....
.....

- Người phiên dịch (nếu có):[15].....

.....
.....

- Người giám định (nếu có):[16].....

.....
.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[17]

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân …….nhận định:[18]

[1] .....
.....

.....
.....

[2].....
.....

.....
.....

[3].....
.....

.....
.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ[19].....

.....

-
[20].....

.....

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23] .....

.....

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP [24]
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A1, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L2 nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 .

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"